BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3117/QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 2742
Ngày: 21/8/17
Chuyển: Kế, Kỹ giữ

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ Công văn số 5790/BCT-KH ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tại Công văn số 1112/UBND-KTTC ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc đề nghị bổ sung sản phẩm Sorbitol của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh vào Danh mục hàng hóa trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ Công văn số 115/2017/CV-HCTN ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh giải trình về giá bán sản phẩm Sorbitol;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh mục này làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ

trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và Hiệp hội ng nh nghề tiếp tục đề xuất với Bộ Công Thương để điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT; Y tế; GTVT; TT&TT; XD; KHCN;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các TĐ, TCT 90,91, CT thuộc Bộ;
- Website BCT;
- Lưu: VT, KH (3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Quốc Hưng

Phụ lục

DANH MỤC BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3117 /QĐ-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mã số hải quan HS (*)				Tên mặt hàng	Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước (%)
Nhóm	Phân nhóm					
2905	44	00		D-Glucitol (Sorbitol)	- Phụ gia thực phẩm – Mã 420ii. - Sorbitol dạng si rô 70%. - Đặc tính: chất lỏng, không màu, không mùi, vị ngọt, tan trong nước, glyxerol và propan 1,2-diol - Quy cách: phuy 200 lít, tank 1.000 lít, flexibag 20.000 lít. - Dùng cho thực phẩm. - Hàm lượng D - Sorbitol ≥ 90%	66,19
3824	60	00		Sorbitol trừ loại thuộc phân nhóm 2905.44	- Phụ gia thực phẩm – Mã 420ii. - Sorbitol dạng si rô 70%. - Đặc tính: chất lỏng, không màu, không mùi, vị ngọt, tan trong nước, glyxerol và propan 1,2-diol - Quy cách: phuy 200 lít, tank 1.000 lít, flexibag 20.000 lít. - Dùng cho mỹ phẩm và các ứng dụng khác. - Hàm lượng D - Sorbitol < 90%	66,19

(*). Mã HS: căn cứ theo Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.